

Số: /TB-SCT

Bình Phước, ngày tháng 4 năm 2025

THÔNG BÁO

Công bố công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách Quý I năm 2025 của Sở Công Thương

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai về ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1947/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025, tỉnh Bình Phước;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

1. Về thu ngân sách:

Tổng thu phí quý I năm 2025 là 53.200.000 đồng, đạt 26,6 % so với dự toán năm, bằng 251,9 % so với cùng kỳ năm trước.

2. Về chi ngân sách:

Tổng chi ngân sách quý I năm 2025 là: 2.706.606.980 đồng.

Trong đó:

- Chi quản lý hành chính: 2.161.603.253 đồng, cụ thể:

+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là 1.796.712.447 đồng đạt 58,4% so với dự toán năm, bằng 123,7 % so với cùng kỳ năm trước.

+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ là 364.890.806 đồng đạt 4,5 % so với dự toán năm, bằng 293,1 % so với cùng kỳ năm trước.

- Chi sự nghiệp kinh tế khác: 545.003.727 đồng, cụ thể:

+ Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ là 511.003.727 đồng đạt 19,3% so với dự toán năm, bằng 129,8 % so với cùng kỳ năm trước.

+ Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ là 34.000.000 đồng đạt 1,1 % so

với dự toán năm.

(Chi tiết theo biểu mẫu 03 đính kèm)

Hình thức công khai: Công khai trên bảng thông báo và trên web của Sở.

Sở Công Thương thông báo công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2025 đến toàn thể công chức, viên chức được biết./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- GD, các PGD Sở;
- TT. Khuyến công và TVPTCN;
- Các phòng chuyên môn;
- Website: <https://socongthuongbp.gov.vn>
- Lưu VT, VP (Nga).

GIÁM ĐỐC

Đơn vị: Sở Công Thương
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Phước, ngày tháng năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2025 như sau:

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện quý I	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	200.000.000	53.200.000	26,6	251,9
I	Số thu phí	200.000.000	53.200.000	26,6	251,9
	Phí	200.000.000	53.200.000	26,6	251,9
	<i>Phí thẩm định</i>	<i>200.000.000</i>	<i>53.200.000</i>	<i>26,6</i>	<i>251,9</i>
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	0,0	0,0
III	Số phí nộp ngân sách nhà nước	200.000.000	53.200.000	26,6	251,9
1	Phí	200.000.000	53.200.000	26,6	251,9
	<i>Phí thẩm định</i>	<i>200.000.000</i>	<i>53.200.000</i>	<i>26,6</i>	<i>251,9</i>
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	16.904.220.769	2.706.606.980	16,0	137,3
I	Nguồn ngân sách tỉnh	16.904.220.769	2.706.606.980	16,0	137,3
1	Chi quản lý hành chính	11.137.220.769	2.161.603.253	19,4	137,0
1.1	<i>Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ</i>	<i>3.078.000.000</i>	<i>1.796.712.447</i>	<i>58,4</i>	<i>123,7</i>
1.2	<i>Kinh phí không thực hiện chế độ tự</i>	<i>8.059.220.769</i>	<i>364.890.806</i>	<i>4,5</i>	<i>293,1</i>

	chủ				
2	Chi sự nghiệp kinh tế khác	5.767.000.000	545.003.727	9,5	138,4
2.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.651.000.000	511.003.727	19,3	129,8
2.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	3.116.000.000	34.000.000	1,1	0,0